TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST.
Ngày 07/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc.

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Hứa Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2022/TLST - HS, ngày 16 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 02 năm 2023 đối với:

- Bị cáo Huỳnh Văn P sinh năm 1971, nơi sinh tại Trà Vinh; nghề nghiệp: Không. Nơi cư trú: Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1951; vợ tên Hồ Thị T, sinh năm 1976; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2008; anh chị em ruột chỉ một mình bị cáo. Tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 11/02/2022 bị Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 42.900.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản không phép; nhân thân: Xấu; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 đến nay, bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn P: Luật sư Phạm Văn V – Văn phòng Luật sư Trần Phạm & Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: TTB-07-02, Khối B, chung cư L, đường H, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Bị hại:

- Bà Dương Thị T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Chị Phan Thị Bích T2, sinh năm 1988. Có mặt.

- Chị Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1990. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Hồ Ngọc Phượng K1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số G, đường K, khóm B, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Anh Hồ Ngọc Đăng K2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số C, đường L, khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Thái Thị Bạch T3, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Đào Thị L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do.

- Chị Nguyễn Thị Hồng P2, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm:

- Một điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUM GALAXY A9, màn hình cảm ứng, bên trong có sim số thuê bao 0963437278, đã qua sử dụng.

- Một điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUM GALAXY A12, màn hình cảm ứng, bên trong có sim số thuê bao 0944372266, đã qua sử dụng.

- Một cây viết màu xanh đã qua sử dụng.

- Một Giấy chứng minh nhân dân số 334819117, tên Huỳnh Văn P, sinh năm 1971. ngụ ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 29/6/2022, bị cáo Huỳnh Văn P đến quán của chị Thái Thị Bạch T3 ngụ ấp M, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh uống nước và nói chuyện với chị T3 thì bị cáo biết được chị Dương Thị T1, ngụ ấp N, xã M, huyện C có chồng tên Hồ Văn P3 bị bắt trong vụ án Đánh bạc đang bị tạm giam tại Công an huyện C và muốn xin được tại ngoại, bị cáo nói là có thể lo được nên kêu chị T3 điện thoại cho chị T1 đến gặp bị cáo để trao đổi nội dung cụ thể. Sau đó, chị T1 đến quán nước của chị T3 gặp bị cáo P, lúc này bị cáo P đưa ra thông tin gian dối là có quen biết nhiều lãnh đạo Công an huyện C và Viện kiểm sát huyện C, bị cáo đã giúp đỡ cho nhiều người bị tạm giam được gặp mặt gia đình và được tại ngoại nên bị cáo lo anh P3 được tại ngoại, nghe vậy chị T1 tin là thật, nên chị T1 mới giới thiệu bị cáo P gặp chị Phan Thị Bích T2, ngụ ấp M, xã M, huyện C, có chồng tên Trần Văn L1 cũng bị bắt tạm giam trong vụ án Đánh bạc, bị cáo P kêu chị T1 dẫn đến nhà chị T2 để gặp trực tiếp.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, chị T1 dẫn bị cáo P đến nhà chị T2, khi gặp chị T2, bị cáo P tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là có quen biết nhiều lãnh đạo, đã giúp đỡ cho nhiều người bị tạm giam được gặp mặt gia đình, được tại ngoại và sẽ lo cho anh L1

được tại ngoại cùng với anh P3, chị T2 nghe tin là thật nên giới thiệu tiếp bị cáo P là có chị Nguyễn Ngọc K, ngụ ấp M, xã M, huyện C, có cha chồng tên Trát Vĩnh L2 cũng bị bắt tạm giam trong vụ án Đánh bạc, bị cáo P kêu chị T2 điện thoại cho chị K đến để trao đổi nội dung giúp đỡ cho tại ngoại.

Đến khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày, chị K chở bà Đào Thị L (vợ Trát Vĩnh L2) đến nhà chị T2, lúc này tại nhà chị T2 gồm có: Bị cáo P, chị T1, chị T2, chị K và bà L, bị cáo P tiếp tục đưa ra thông tin gian dối vừa nói với chị T1 và chị T2 nêu trên và sẽ lo cho ông L2 được tại ngoại cùng với anh P3 và anh L1, lúc này chị T1, chị T2, chị K và bà L đều tin lời nói của bị cáo P là sự thật nên đồng ý nhờ bị cáo P giúp đỡ. Sau đó bị cáo P yêu cầu chị T1, chị T2 và chị K mỗi người đưa cho bị cáo số tiền 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) để đi lo lót cho Cán bộ và hứa trong vòng 18 ngày sẽ lo anh P3, anh L1 và ông L2 được tại ngoại về nhà, bị cáo P kêu đưa tiền liền để đi lo cho sớm được tại ngoại.

Lúc này chị T1, chị T2 và chị K nói hiện tại không đủ tiền, bị cáo P hối thúc kêu đưa tiền liền và nói có bao nhiêu đưa bấy nhiêu, còn thiếu bao nhiêu thì bị cáo cho mượn để đi lo cho sớm, sáng mai có tiền thì trả lại cho bị cáo nhưng chị T1, chị T2 và chị K hẹn ngày hôm sau sẽ đưa tiền. Bị cáo P còn nhiều lần dặn dò chị T1, chị T2 và chị K là không được nói cho ai biết về việc đưa tiền cho bị cáo nhận đem đi lo Cán bộ để anh P3, anh L1 và ông L2 được tại ngoại, nếu có ai biết sẽ ở tù cả đám.

Sau đó, bị cáo kêu chị T1, chị T2 và chị K lên xe ô tô biển số 84A – 070.78 để bị cáo chở đi thành phố T gặp chị Nguyễn Thị Hồng P2, là nhân viên Văn phòng của Công ty L3, địa chỉ số A P, khóm D, phường A, thành phố T để lấy đơn đặt tiền bảo đảm, chị T1 và chị T2 lên xe ô tô đi, còn chị K và bà L về nhà. Khi lên xe ô tô, bị cáo tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với chị T1 và chị T2 là sẽ chở ra ngã tư Cầu N gặp anh P4 Phó Công an huyện Cầu Ngang để trao đổi bàn bạc nội dung về việc giúp đỡ cho tại ngoại, bị cáo nói tất cả các quyết định giam thêm hay xem xét cho tại ngoại là do anh P4 ký, khi ra đến ngã tư Cầu N thì bị cáo P nói anh P4 bận công việc không gặp được rồi điều khiển xe chở chị T1 và chị T2 lên thành phố T đến Văn phòng Luật sư gặp chị P2 lấy đơn đề nghị được đặt tiền bảo đảm, sau đó chở chị T1 và chị T2 về nhà.

Ngày 30/6/2022, bị cáo nhiều lần điện thoại thúc giục chị T1, chị T2 và chị K đưa tiền để cho bị cáo đi lo cho anh Hồ Văn P3, anh Trần Văn L1 và ông Trát Vĩnh L2 được tại ngoại, sau đó hẹn gặp ở nhà của chị T2 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh để giao nhận tiền.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe ô tô biển số 84A – 070.78 đi một mình đến nhà của chị T2, tại đây bị cáo gặp chị T2, chị T1 và chị K. Trước khi nhận tiền, bị cáo viết 03 (ba) tờ biên nhận để cho chị T1, chị T2 và chị K tin tưởng, trong biên nhận thể hiện nội dung: Bị cáo P có nhận tiền của chị Phan Thị Bích T2, Dương Thị T1 và Nguyễn Ngọc K mỗi người số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) để lo về tội đánh bạc của Trần Văn L1, Hồ Văn P3 và Trát V được tại ngoại, thời gian 18 ngày nếu không lo được sẽ trả tiền lại. Sau đó, bị cáo nhận tiền của chị T2, chị T1 và chị K mỗi người 35.000.000 đồng được bỏ trong 03 (ba) bao thư, tổng số tiền là 105.000.000 đồng, khi nhận tiền các bị hại nhiều lần kêu đếm lại nhưng bị cáo không

đếm tiền và nói tiền để trong bao thư thiếu đủ gì người ta cũng lấy, giờ đang gấp đi nộp tiền cho Viện kiểm sát kịp giờ để người ta giúp mình cho mau lẹ. Sau khi nhận tiền xong, bị cáo đem tiền để vào xe ô tô biển số 84A – 070.78 chuẩn bị tẩu thoát thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang, quản lý niêm phong tổng số tiền 105.000.000 đồng, bị cáo vừa chiếm đoạt được của các bị hại, 03 (ba) tờ biên nhận tiền và các vật chứng khác có liên quan. Thể hiện tại các bút lục: 30-35; 36-84; 140-246; 247-267;…

Tại Bản kết luận giám định số 379/KL-KTHS ngày 11/7/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T kết luận: Tổng số tiền 105.000.000 đồng để trong 03 bao thư được niêm phong gửi giám định là tiền thật. Bút lục: 95-100.

Tại Tại Bản kết luận giám định số 396/KL-KTHS ngày 22/7/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T kết luận:

Chữ viết trên ba biên nhận ngày 30/6/2022 (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ viết của Huỳnh Văn P trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Huỳnh Văn P trên ba biên nhận ngày 30/6/2022 (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết của Huỳnh Văn P trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký, viết ra. Bút lục: 101-110.

Ngày 06/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo Huỳnh Văn P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn ra lệnh tạm giam phục vụ công tác điều tra.

Đối với chị Nguyễn Thị Hồng P2, không có bàn bạc với bị cáo để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, chị P2 chỉ tư vấn pháp luật và làm đơn đặt tiền bảo đảm xin tại ngoại theo yêu cầu của bị cáo nên không có cơ sở xử lý.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Huỳnh Văn P không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị hại, người làm chứng và các vật chứng đã quản lý đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Huỳnh Văn P phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Vật chứng của vụ án gồm:

- Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị Phan Thị Bích T2, Dương Thị T1 và Nguyễn Ngọc K mỗi người số tiền 35.000.000 đồng.

- Trao trả cho bà Hồ Ngọc P5 Khanh 01 xe ô tô biển số 84A-070.78, nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, màu trắng, xe đã qua sử dụng.

- Đối với 03 (ba) tờ biên nhận tiền và các loại đơn xin tại ngoại, Cơ quan điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Vật chứng còn lại Cơ quan điều tra nhập kho quản lý gồm:

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A9, màn hình cảm ứng, bên trong có sim số thuê bao 0963437278, đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A12, màn hình cảm ứng, bên trong có sim số thuê bao 0944372266, đã qua sử dụng.

+ 01 cây viết màu xanh, đã qua sử dụng.

+ 01 giấy chứng minh nhân nhân số 334819117, tên Huỳnh Văn P, sinh năm 1971, ngụ ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại chị Phan Thị Bích T2, Dương Thị T1 và Nguyễn Ngọc K đã nhận đủ số tiền bị thiệt hại nên không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 45/CT-VKS-HS, ngày 14/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Văn P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Văn P khai nhận: Bị cáo và các bị hại chị Phan Thị Bích T2, chị Dương Thị T1, chị Nguyễn Ngọc K không quen biết nhau cũng không có bà con họ hàng gì cả. Ngày 29/6/2022, bị cáo biết được chồng của chị T1 là anh Hồ Văn P3, chồng của chị T2 là anh Trần Văn L1, cha chồng của chị K là ông Trát Vĩnh L2 đang bị tạm giam về tội Đánh bạc tại Công an huyện C, đồng thời biết được chị T1, chị T2, chị K có làm đơn xin bảo lãnh gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét cho ông L2, anh P3, anh L1 được tại ngoại về nhà nhưng không được giải quyết, cơ quan có thẩm quyền cũng không có thông báo về việc được đặt tiền để bảo đảm, từ đó bị cáo mới nảy sinh ý định giúp chị T1, chị T2, chị K.

Bị cáo thừa nhận là không có khả năng và không có thẩm quyền để lo cho người thân của chị T1, chị T2, chị K được tại ngoại, nhưng khi gặp các bị hại, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối như: Có quen biết nhiều lãnh đạo Công an huyện C và Viện kiểm sát huyện C, bị cáo đã giúp đỡ cho nhiều người đang bị tạm giam được gặp mặt gia đình và được tại ngoại (*nhưng sự thật là không có*)…nên bị cáo sẽ lo anh P3, anh L1 và ông L2 được tại ngoại về nhà, bị cáo yêu cầu chị T1, chị T2, chị K phải đưa tiền ngay cho bị cáo, mỗi người phải đưa số tiền 35.000.000 đồng thì bị cáo mới lo được, nghe vậy chị T1, chị T2, chị K tin là thật nên đồng ý đưa tiền theo yêu cầu của bị cáo và hẹn ngày hôm sau sẽ đưa tiền.

Đến khoảng 14 giờ ngày 30/6/2022, bị cáo điều khiển xe ô tô biển số 84A – 070.78 đi một mình đến nhà của chị T2 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh để nhận tiền, sau khi bị cáo nhận tiền của chị T2, chị T1 và chị K mỗi người 35.000.000 đồng được bỏ trong 03 (ba) bao thư, tổng số tiền là 105.000.000 đồng, bị cáo đem tiền để vào xe ô tô biển số 84A – 070.78 chuẩn bị tẩu thoát thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang, quản lý các vật chứng có liên quan.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận là bị cáo không có khả năng và không có thẩm quyền để lo cho người thân của chị T1, chị T2, chị K được tại ngoại, các bị hại cũng không có ủy quyền cho bị cáo thực hiện công việc yêu cầu thay đổi biện pháp ngăn chặn như Bảo lĩnh hay đặt tiền để bảo đảm, bị cáo cũng chưa gặp mặt lãnh đạo Công an huyện C và Viện kiểm sát huyện C để trao đổi công việc này có được hay không và các cơ quan tố tụng cũng không có ra thông báo chấp nhận cho đặt tiền để bảo đảm, từ trước đến nay bị cáo chưa có giúp đỡ ai đang bị tạm giam được gặp mặt gia đình và được tại ngoại, mục đích bị cáo đưa ra thông tin gian dối để các bị hại tin là thật để đưa tiền cho bị cáo nhận tổng cộng là 105.000.000 đồng.

Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến bổ

sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà hoàn toàn thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa các bị hại bà Dương Thị T1, chị Phan Thị Bích T2 và chị Nguyễn Ngọc K cùng trình bày:

Các bị hại không quen biết bị cáo, không có bà con họ hàng gì cả, tại quán giải khát của bà T3 điện thoại cho chị T1, sau đó chị T1 điện thoại cho chị T2 và chị T2 điện thoại cho chị K, các bị hại đều có mặt tại nhà chị T2 gặp bị cáo P, tại đây bị cáo P nói "Là có quen biết nhiều lãnh đạo Công an huyện C và Viện kiểm sát huyện C, bị cáo đã giúp đỡ cho nhiều người đang bị tạm giam được gặp mặt gia đình và được tại ngoại, bị cáo sẽ lo anh P3, anh L1 và ông L2 được tại ngoại về nhà, bị cáo yêu cầu mỗi người phải đưa cho bị cáo số tiền 35.000.000 đồng để lo người thân được tại ngoại, sau đó bị cáo hối thúc đưa tiền liền để đi lo tại ngoại" các bị hại tin là thật nên mới đồng ý đưa tiền cho bị cáo nhận, mỗi người đưa 35.000.000 đồng được bỏ trong 03 (ba) bao thư, tổng số tiền là 105.000.000 đồng, bị cáo đem tiền để vào xe ô tô biển số 84A – 070.78 thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang.

Các bị hại còn trình bày là trước đây đã có làm đơn xin bảo lĩnh, nhưng các cơ quan tố tụng không đồng ý, sự việc này bị cáo biết rõ. Các bị hại không có ủy quyền cho bị cáo thực hiện công việc yêu cầu thay đổi biện pháp ngăn chặn như Bảo lĩnh hay đặt tiền để bảo đảm cho người thân được tại ngoại, các cơ quan tố tụng cũng không có ra thông báo cho các bị hại biết là chấp nhận cho đặt tiền để bảo đảm, bị cáo chưa làm thủ tục gì cả mà thúc giục đòi phải đưa tiền liền, ngoài ra bị cáo còn nhiều lần dặn dò là không được nói cho ai biết về việc đưa tiền cho bị cáo nhận đem đi lo Cán bộ để anh P3, anh L1 và ông L2 được tại ngoại, nếu có ai biết sẽ ở tù cả đám.

Về trách nhiệm hình sự các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự các bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, nên không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Hứa Văn B đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Kiểm sát viên nhận định, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải nhưng bị cáo không thừa nhận có ý thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Do đó không đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là chị Phan Thị Bích T2, chị Dương Thị T1 và chị Nguyễn Ngọc K đã nhận lại đủ số tiền bị thiệt hại và không yêu cầu bồi thường gì

thêm nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư Phạm Văn V trình bày lời bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn P:

- Về thủ tục tố tụng: Có vi phạm nghiêm trọng như cấp Thông báo bào chữa chậm trễ, hỏi cung, thực hiện một số hoạt động điều tra không thông báo cho Luật sư biết; không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng viết bản tự khai, không ghi lời khai anh P4, thu giữ 02 chiếc điện thoại nhưng không xuất trình dữ liệu, hành vi của bà T3, chị T1, chị T2 không được làm rõ, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm... Luật sư có đơn khiếu nại nhưng không được giải quyết.

- Về nội dung vụ án: Luật sư cho rằng bị cáo P có dùng thủ đoạn gian dối nhưng chưa chiếm đoạt tài sản, vì biên nhận tiền có ghi lo trong hạn 18 ngày, lo tại ngoại không được thì trả lại tiền. Ngoài ra tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con bệnh bại nảo, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Căn cứ Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung các vấn đề nêu trên. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Bị cáo Huỳnh Văn P nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi gian dối nêu trên của bị cáo là vi phạm pháp luật, có lỗi bị hại và chấp nhận mọi hình phạt của Tòa án, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Huỳnh Văn P khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Bị cáo Huỳnh Văn P và các bị hại chị Phan Thị Bích T2, chị Dương Thị T1, chị Nguyễn Ngọc K không quen biết nhau. Ngày 29/6/2022, khi bị cáo biết được chồng của chị T1 là anh Hồ Văn P3, chồng của chị T2 là anh Trần Văn L1, cha chồng của chị K là ông Trát Vĩnh L2 đang bị tạm giam về tội Đánh bạc tại Công an huyện C, đồng thời biết được chị T1, chị T2, chị K muốn người thân của mình được tại ngoại về nhà và đã có làm đơn xin bảo lãnh gửi đến cơ quan có thẩm quyền nhưng không được giải quyết, không được cơ quan có thẩm quyền thông báo về việc được đặt tiền để bảo đảm, từ đó bị cáo đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T1, chị T2, chị K.

Bị cáo Huỳnh Văn P không có khả năng và thẩm quyền lo cho người thân của chị T1, chị T2, chị K được tại ngoại nhưng khi gặp các bị hại, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối là có quen biết nhiều lãnh đạo Công an huyện C và Viện kiểm sát huyện C, bị cáo đã giúp đỡ cho nhiều người đang bị tạm giam được gặp mặt gia đình và được tại ngoại nên bị cáo sẽ lo cho anh P3, anh L1 và ông L2 được tại ngoại về nhà, bị cáo yêu cầu chị T1, chị T2, chị K mỗi người phải đưa tiền liền cho bị cáo số tiền 35.000.000 đồng thì bị cáo mới lo được, nghe vậy chị T1, chị T2, chị K tin là thật nên đồng ý đưa tiền theo yêu cầu của bị cáo và hẹn ngày hôm sau sẽ đưa tiền.

Khoảng 14 giờ ngày 30/6/2022, bị cáo điều khiển xe ô tô biển số 84A – 070.78 đi một mình đến nhà của chị T2 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh để nhận tiền. Sau khi bị cáo nhận tiền của chị T2, chị T1 và chị K mỗi người 35.000.000 đồng được bỏ trong 03 (ba) bao thư, tổng số tiền là 105.000.000 đồng, bị cáo đem tiền để vào xe ô tô biển số 84A – 070.78 chuẩn bị tẩu thoát thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang, quản lý các vật chứng có liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi gian dối của bị cáo là sai trái, là vi phạm pháp luật, nhưng ý thức của bị cáo là không có lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Căn cứ lời khai của các bị hại, biên bản bắt quả tang, 03 biên nhận tiền, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh được hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Văn P đã đưa ra thông tin gian dối, mục đích để lừa đảo chiếm đoạt 105.000.000 đồng của các bị hại được thể hiện chứng cứ sau đây:

- *Tại biên bản bắt quả tang ngày 30/6/2022:* Bị cáo thừa nhận có nhận tiền của chị T2, chị T1 và chị K mỗi người 35.000.000 đồng là để lo cho người thân của các bị hại được tại ngoại, khi bị cáo nhận tiền ngồi trong xe thì bị Công an bắt quả tang quản lý 105.000.000 đồng trên xe ô tô của bị cáo điều khiển.

- *Ba tờ biên nhận tiền:* Thể hiện bị cáo có nhận tiền của chị T2, chị T1 và chị K mỗi người 35.000.000đồng là để lo cho người thân của các bị hại được tại ngoại, 03 tờ biên nhận do bị cáo tự tay viết và ký tên.

- *Mối quan hệ giữa bị cáo và các bị hại:* Bị cáo và các bị hại Phan Thị Bích T2, Dương Thị T1, Nguyễn Ngọc K không phải là người thân thích, từ trước đến nay không quen biết nhau, các bị hại cũng không có ủy quyền cho bị cáo thực hiện công việc yêu cầu thay đổi biện pháp ngăn chặn như Bảo lĩnh hay đặt tiền để bảo đảm cho người thân được tại ngoại, các cơ quan tố tụng cũng không có thông báo cho các bị hại biết là chấp nhận cho đặt tiền để bảo đảm mà do bị cáo tự đặt ra câu chuyện này.

- *Thời điểm nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản:* Ngày 29/6/2022, khi bị cáo biết được chồng của chị T1 là anh Hồ Văn P3, chồng của chị T2 là anh Trần Văn L1, cha chồng của chị K là ông Trát Vĩnh L2 đang bị tạm giam về tội đánh bạc tại Công an huyện C và biết được thông tin chị T1, chị T2, chị K đã có làm đơn xin bảo lãnh gửi đến cơ quan có thẩm quyền nhưng không được giải quyết, các cơ quan có thẩm quyền không có ra thông báo về việc được đặt tiền để bảo đảm, nhưng bị cáo P vẫn cố ý đưa ra thông tin gian dối là giúp được, là lo được tại ngoại, mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của T1, chị T2, chị K.

- *Bị cáo đưa ra thông tin gian dối với bị hại thể hiện:*

+ Bị cáo nói có quen biết nhiều lãnh đạo Công an huyện C và Viện kiểm sát huyện C, bị cáo đã giúp đỡ cho nhiều người đang bị tạm giam được gặp mặt gia đình và được tại ngoại, bị cáo khẳng định là lo cho anh P3, anh L1 và ông L2 được tại ngoại về nhà. Nhưng trước đó bị cáo chưa gặp mặt lãnh đạo Công an huyện C và Viện kiểm sát huyện C để trao đổi công việc này và các cơ quan tố tụng cũng không có ra thông báo chấp nhận cho đặt tiền để bảo đảm, từ trước đến nay bị cáo chưa có giúp ai đang bị tạm giam được gặp mặt gia đình và được tại ngoại, mục đích bị cáo đưa ra thông tin gian dối để các bị hại tin là thật để đưa tiền cho bị cáo nhận tổng cộng là 105.000.000 đồng.

+ Bị cáo kêu các bị hại đưa tiền liền vào tối ngày 29/6/2022 thì chị T1, chị T2 và chị K nói hiện tại không đủ tiền, bị cáo hối thúc kêu đưa tiền liền và nói có bao nhiêu đưa bấy nhiêu, còn thiếu bao nhiêu thì bị cáo cho mượn để đi lo cho sớm. Sáng ngày 30/6/2022 bị cáo tiếp tục hối thúc đưa tiền, còn thủ tục bảo lĩnh tại ngoại như thế nào thì bị cáo không biết, không đề cặp đến…Bị cáo còn nhiều lần dặn dò các bị hại không được nói cho ai biết việc đưa tiền cho bị cáo, vì bị cáo sợ nói ra sẽ ở tù cả đám.

+ Khi nhận tiền, các bị hại nhiều lần kêu bị cáo đếm tiền lại nhưng bị cáo không chịu đếm và nói tiền để trong bao thư thiếu đủ gì người ta cũng lấy, giờ đang gấp đi nộp tiền cho Viện kiểm sát kịp giờ để người ta giúp mình cho mau lẹ.

+ Đêm ngày 29/6/2022, khi lên xe ô tô bị cáo tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với chị T1 và chị T2 là sẽ chở ra ngã tư Cầu N gặp anh P4 Phó Công an huyện Cầu Ngang để trao đổi bàn bạc nội dung về việc giúp đỡ cho tại ngoại, bị cáo nói tất cả các quyết định giam thêm hay xem xét cho tại ngoại là do anh P4 ký, nhưng bị cáo hoàn toàn không có gặp anh P4 để trao đổi gì cả.

Từ những chứng cứ, căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Huỳnh Văn P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đưa ra thông tin gian dối là sẽ lo cho anh Hồ Văn P3, anh Trần Văn L1 và ông Trát Vĩnh L2 đang bị tạm giam về tội Đánh bạc tại Công an huyện C được tại ngoại về nhà. Bị cáo đưa ra thông tin gian dối như: Có quen biết nhiều lãnh đạo Công an huyện C và Viện kiểm sát huyện C, bị cáo đã giúp đỡ cho nhiều người đang bị tạm giam được gặp mặt gia đình và được tại ngoại nên bị cáo sẽ lo được, đồng thời yêu cầu chị T1, chị T2, chị K mỗi người phải đưa tiền liền cho bị cáo số tiền 35.000.000 đồng thì bị cáo mới lo được. Các bị hại chị T1, chị T2, chị K tin lời nói của bị cáo là thật nên đồng ý đưa tiền theo yêu cầu của bị cáo, mỗi người đưa số tiền 35.000.000 đồng cho bị cáo nhận với tổng số tiền là 105.000.000 đồng, bị cáo đem tiền để vào xe ô tô biển số 84A – 070.78 chuẩn bị tẩu thoát thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang. Từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về các tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo khai toàn bộ sự việc hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi gian dối của bị cáo là sai trái, là vi phạm pháp luật, mong muốn Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo đã nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự sẽ khi quyết định hình phạt.

Xét tính chất của vụ án nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Trong vụ án này, xét thấy bị cáo không phải là người thân thích của các bị hại, bị cáo cũng không quen biết các bị hại, bản thân bị cáo không có khả năng và không có thẩm quyền để lo cho người thân của chị T1, chị T2, chị K được tại ngoại, các bị hại cũng không có ủy quyền cho bị cáo thực hiện công việc yêu cầu thay đổi biện pháp ngăn chặn như Bảo lĩnh hay đặt tiền để bảo đảm, bị cáo cũng chưa gặp mặt lãnh đạo Công an huyện C và Viện kiểm sát huyện C để trao đổi công việc này có được hay không và các cơ quan tố tụng cũng không có ra thông báo là chấp nhận cho đặt tiền để bảo đảm, từ trước đến nay bị cáo chưa có giúp đỡ cho ai đang bị tạm giam được gặp mặt gia đình và được tại ngoại, toàn bộ sự việc gian dối nêu trên là do bị cáo tự đặt ra để các bị hại tin là thật mục đích để các bị hại đưa tiền cho bị cáo nhận tổng cộng là 105.000.000 đồng. Đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, làm mất lòng tin của người dân đối với các Cơ quan Tư pháp. Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị hại chị Phan Thị Bích T2, chị Dương Thị T1 và chị Nguyễn Ngọc K đã nhận đủ số tiền bị thiệt hại và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về vật chứng và xử lý vật chứng.

- Xét thấy một điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUM GALAXY A9, màn hình cảm ứng, bên trong có sim số thuê bao 0963437278, đã qua sử dụng; một điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUM GALAXY A12, màn hình cảm ứng, bên trong có sim số thuê bao 0944372266, đã qua sử dụng và Giấy chứng minh nhân dân số 334819117, tên Huỳnh Văn P, sinh năm 1971. Ngụ ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là tài sản và giấy tờ của bị cáo bị Công an thu giữ phục vụ công tác điều tra, các vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định tuyên trả cho bị cáo.

- Đối với một cây viết màu xanh đã qua sử dụng của bị cáo bị thu giữ khi bắt quả tang, xét thấy cây viết này không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử quyết định tuyên tịch thu tiêu hủy.

[4]. Về án phí hình sự: Buộc bị cáo Huỳnh Văn P nộp 200.000 đồng.

[5]. Xét lời của Luật sư Phạm Văn V trình bày lời bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn P nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- *Về thủ tục tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng luôn tạo mọi điều kiện để Luật sư tham gia tố tụng đầy đủ, cụ thể Luật sư có tham dự hỏi cung, có nhận các thông báo về thủ tục tố tụng, kết luận điều tra vụ án, Bản cáo trạng và quyền bào chữa của vị Luật sư vẫn đảm bảo đúng quy định pháp luật Tố tụng Hình sự.

- *Về nội dung vụ án:* Cáo trạng số: 45/CT-VKS-HS, ngày 14/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Huỳnh Văn P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình. Tại phiên tòa vị Luật sư chỉ đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung mà không bào chữa về tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị, Luật sư có nêu ra các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Huỳnh Văn P. Xét lời của vị Luật sư đề nghị ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 03 (ba) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2022.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: Một cây viết màu xanh đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo Huỳnh Văn P nhận:

- Một điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUM GALAXY A9, màn hình cảm ứng, bên trong có sim số thuê bao 0963437278, đã qua sử dụng.

- Một điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUM GALAXY A12, màn hình cảm ứng, bên trong có sim số thuê bao 0944372266, đã qua sử dụng.

- Một Giấy chứng minh nhân dân số 334819117, tên Huỳnh Văn P, sinh năm 1971. ngụ ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh./.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Huỳnh Văn P có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm